

BÁO CÁO

sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XII) về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Lâm Đồng là tỉnh Nam Tây Nguyên, diện tích tự nhiên 9.783,34 km². Dân số toàn tỉnh có 1.551.389 người; có 12 đơn vị hành chính cấp huyện, 142 đơn vị hành chính cấp xã (*111 xã, 18 phường và 13 thị trấn*) với 1.376 thôn, tổ dân phố; với 47 dân tộc anh em cùng sinh sống, ngôn ngữ, phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo và văn hóa phong phú, đa dạng.

Tính đến ngày 30/06/2023, toàn tỉnh có 30.515 cán bộ, công chức, viên chức, trong đó: Cấp tỉnh 9.669 người; cấp huyện 18.030 người; cấp xã là 2.816 người. Tính đến cuối tháng 09/2023, toàn tỉnh có 751 tổ chức cơ sở đảng, trong đó 263 đảng bộ sở; 488 chi bộ cơ sở, với 48.422 đảng viên.

II. VIỆC QUẢN TRIỆT, BAN HÀNH VĂN BẢN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT, QUY ĐỊNH CỦA TRUNG ƯƠNG VỀ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 26-NQ/TW

1. Công tác phổ biến, quán triệt các văn bản của Trung ương

Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “*về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ*” và Kế hoạch số 10-KH/TW, ngày 06/6/2018 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW; Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức hội nghị¹ quán triệt đến đội ngũ cán bộ chủ chốt của tỉnh, cấp huyện và tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân; đồng thời triển khai để các cấp ủy đảng xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức hội nghị quán triệt đến cán bộ, đảng viên về quan điểm, mục tiêu, nội dung, yêu cầu theo tinh thần Nghị quyết số 26-NQ/TW.

2. Việc ban hành các văn bản hướng dẫn của tỉnh để tổ chức thực hiện

Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW và Kế hoạch số 10-KH/TW; Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 63-KH/TU, ngày 10/10/2018 để triển khai thực hiện (*gọi tắt là Nghị quyết, Kế hoạch*). Trên cơ sở đó, các cấp ủy đảng, cơ quan, đơn vị ban hành kế hoạch, hướng dẫn cụ thể để tổ chức thực hiện tại các địa

¹ Ngày 14/8/2018, tổ chức hội nghị trực tuyến toàn tỉnh học tập, quán triệt Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII (trong đó có Nghị quyết 26-NQ/TW do đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy làm Báo cáo viên) với 16 điểm cầu trong toàn tỉnh và có 4.952 cán bộ chủ chốt các cấp trong tỉnh tham dự. Từ đó, các địa phương, đơn vị trong toàn tỉnh đã tổ chức được 437 lớp với gần 65.000 người tham dự.

phương, cơ quan, đơn vị mình.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT, KẾ HOẠCH

1. Về mục tiêu tổng quát

Cơ bản xây dựng được đội ngũ cán bộ các cấp có trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, đảm bảo tiêu chuẩn chức danh; có phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, đảm bảo số lượng, có cơ cấu phù hợp, từng bước tạo sự chuyển tiếp giữa các thế hệ.

2. Về mục tiêu cụ thể

(1) Hoàn thành việc cụ thể hóa Nghị quyết thành các quyết định, quy định của Tỉnh ủy, UBND tỉnh trong công tác cán bộ, xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ; (2) Kiên quyết xóa bỏ tệ chạy chức, chạy quyền; ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái, “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong cán bộ, đảng viên; (3) Thực hiện chủ trương bố trí bí thư cấp ủy không là người địa phương ở cấp huyện; (4) Hoàn thành việc xây dựng vị trí việc làm và rà soát, cơ cấu lại đội ngũ các cấp gắn với kiện toàn tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; (5) Đã tiến hành họp nhất Văn phòng Đoàn ĐBQH, Văn phòng HĐND và Văn phòng UBND tỉnh; thành lập văn phòng giúp việc chung khối Đảng tỉnh, sau thời gian hoạt động gặp một số khó khăn, đã tham mưu thành lập lại văn phòng các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; thành lập lại Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh theo quy định; (6) Thực hiện thí điểm mô hình cơ quan tham mưu giúp việc chung Khối MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tại 3 huyện: Lâm Hà, Đà Huoai và Đà Têh...

3. Về nhiệm vụ thường xuyên

- Tỉnh ủy đã xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết, đồng thời kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện.

- Chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa giáo dục với rèn luyện thực tiễn và đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Đã rà soát, hoàn thiện các văn bản về công tác cán bộ, tạo môi trường, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện các khâu trong công tác cán bộ; xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu; kịp thời khắc phục, chấn chỉnh những hạn chế, bất cập, ngăn chặn những tiêu cực trong công tác cán bộ.

- Quan tâm xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao bản lĩnh chính trị, tính chuyên nghiệp, tinh thần phục vụ nhân dân. Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng giảm đầu mối, tránh chồng chéo, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đồng thời cơ cấu lại đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, giảm số lượng, nâng cao chất lượng, cơ cấu hợp lý. Đẩy mạnh cải cách hành chính; xây dựng đội ngũ làm công tác cán bộ “*trung thành, trung thực, gương mẫu, trong sáng, tinh thông*”.

- Chú trọng thực hiện nghiêm các quy trình, quy định về công tác cán bộ. Cụ thể hóa, đổi mới công tác đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; thực hiện chặt chẽ

quy định, quy trình công tác tuyển dụng, quy hoạch, luân chuyển, bố trí, sử dụng, bầu cử, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức, đình chỉ chức vụ đối với cán bộ.

- Quán triệt để cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc tác hại của tệ chạy chức, chạy quyền, coi đây là hành vi tham nhũng trong công tác cán bộ. Nhận diện, đấu tranh, xử lý nghiêm các trường hợp chạy chức, chạy quyền. Kiên quyết thu hồi, hủy bỏ các quyết định không đúng về công tác cán bộ. Xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức, cá nhân lợi dụng quyền lực để thực hiện hành vi sai trái trong công tác cán bộ.

- Coi trọng công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra định kỳ, đột xuất theo hướng: Cấp trên kiểm tra, giám sát đối với cấp dưới; cấp dưới giám sát cấp trên. Coi trọng công tác cảnh báo, phòng ngừa và xử lý sai phạm.

- Phát huy vai trò giám sát của HĐND các cấp; thực hiện có hiệu quả các quy định của Trung ương về giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Xử lý kịp thời, đúng quy định của Đảng và pháp luật Nhà nước các thông tin phản ánh từ các tổ chức, cá nhân và phương tiện thông tin đại chúng.

- Coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ, nắm chắc lịch sử chính trị và chính trị hiện nay của cán bộ. Thực hiện nghiêm túc công tác rà soát quy hoạch, đánh giá cán bộ hằng năm và các nội dung liên quan đến công tác nhân sự đại hội đảng các cấp.

- Thực hiện chặt chẽ, chắc chắn chủ trương thí điểm nêu trong Nghị quyết: (1) Mở rộng việc thi tuyển để bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý cơ quan cấp sở; (2) Người đứng đầu lựa chọn, giới thiệu cán bộ trong quy hoạch để thực hiện quy trình bầu cử, bổ nhiệm cấp phó của mình; bí thư cấp ủy giới thiệu để bầu ủy viên ban thường vụ theo một quy trình nhất định, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ và chịu trách nhiệm về giới thiệu của mình; (3) Giao quyền cho người đứng đầu bổ nhiệm cán bộ trong quy hoạch, miễn nhiệm đối với cấp trưởng cấp dưới trực tiếp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

- Kịp thời sơ kết, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết, quy định, quy chế và những chủ trương thí điểm, mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả về công tác tổ chức, cán bộ². Lấy kết quả thực hiện nghị quyết, kế hoạch là một trong những tiêu chí đánh giá, xếp loại hằng năm đối với tập thể cấp ủy các cấp và cá nhân cán bộ, công chức, viên chức.

4. Về nhiệm vụ cụ thể đối với từng tổ chức

4.1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các huyện ủy, thành ủy

² (1) Tổng kết 5 năm thực hiện công tác quy hoạch và luân chuyển cán bộ; (2) Sơ kết 2 năm thực hiện thí điểm mô hình cơ quan giúp việc chung khối Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức CT-XH huyện, thành phố; (3) Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII); (4) Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 02/02/2008 của Ban Chấp hành Trung ương; (5) Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX); (6) Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và 04 năm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị (7) Báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW, ngày 30/5/2014 của Bộ Chính trị (8) Báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 30/3/2007 của Ban Bí thư; (9) Báo cáo kết quả thực hiện Quy định số 29-QĐ/TW, ngày 25/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương và Hướng dẫn số 01-HD/TW, ngày 20/9/2016 của Ban Bí thư (10) Báo cáo kết quả thực hiện Quy định số 123-QĐ/TW ngày 28/9/2004 của Bộ Chính trị; (11) Báo cáo kết quả thực hiện Quy định số 173-QĐ/TW, ngày 11/3/2013 của Ban Bí thư; (12) Báo cáo kết quả thực hiện Hướng dẫn số 17-HD/BTCTW ngày 30/01/2013 của Ban Tổ chức Trung ương...

- Cấp ủy đảng các cấp đã chỉ đạo các cơ quan chức năng cụ thể hóa Nghị quyết, Kế hoạch. Hàng năm, đều xây dựng kế hoạch kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện. Từng đồng chí trong ban thường vụ nêu cao tinh thần trách nhiệm, tính tiên phong gương mẫu trong triển khai thực hiện Nghị quyết, Kế hoạch của Trung ương và tỉnh.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là bí thư cấp ủy và người đứng đầu; xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp đủ phẩm chất, năng lực uy tín, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện chủ trương Thường trực cấp ủy định kỳ tiếp dân vào đầu tháng; cấp ủy viên, đảng viên công tác tại xã, phường, thị trấn sinh hoạt đảng tại chi bộ khu dân cư. Phân công cán bộ, đảng viên cư trú tại địa phương phụ trách hộ gia đình nơi cư trú để truyền đạt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước đến nhân dân và lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, nắm chắc tình hình cơ sở; tiếp nhận, xử lý những phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của nhân dân, nhất là của người có uy tín trong cộng đồng dân cư để kịp thời có chỉ đạo tháo gỡ vướng mắc trong giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực đất đai, xây dựng...

- Thực hiện tốt chủ trương bố trí bí thư cấp ủy và một số chức danh cấp huyện không là người địa phương ở cấp tỉnh, cấp huyện. Từ năm 2018 đến nay, Ban Thường vụ cấp ủy cấp huyện đã thực hiện việc luân chuyển 73 trường hợp là lãnh đạo các phòng, ban giữ chức vụ: Bí thư, phó bí thư, chủ tịch UBND cấp xã (*kèm theo Biểu mẫu số 1 và số 4*).

- Kịp thời tham mưu, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất kiện toàn chức danh cán bộ chủ chốt của huyện, kiện toàn ban chấp hành, ban thường vụ và hiệp y công tác cán bộ, giới thiệu cán bộ ứng cử; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại ở cấp huyện với số lượng 1.802 lượt (*kèm theo Biểu mẫu số 7B*).

- Thống nhất bổ sung, kiện toàn công tác cán bộ, công chức thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý ở cấp xã 4.011 lượt theo đúng quy định (*kèm theo biểu mẫu số 7C*).

- Tham mưu xây dựng và thực hiện Kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ cấp huyện, cấp xã, nhiệm kỳ 2015-2020; 2016-2021; nhiệm kỳ 2020-2025; 2021-2026; nhiệm kỳ 2025-2030; 2026-2031 đảm bảo tỷ lệ, cơ cấu, số lượng theo quy định (*kèm theo biểu mẫu số 2C, 2D*).

- Thực hiện mô hình thí điểm về tổ chức bộ máy

+ *Cấp tỉnh*: (1) Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Đề án Văn phòng cấp ủy phục vụ chung các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy (*Mô hình đi vào hoạt động kể từ ngày 01/6/2018; kết thúc hoạt động của mô hình này từ ngày 01/03/2023*); (2) Mô hình: Phó Bí thư Tỉnh đoàn kiêm nhiệm trưởng các ban chuyên môn của Cơ quan Tỉnh đoàn (*thực hiện ngày 04/4/2018 đến ngày 2/6/2021*); (3) Hợp nhất Văn phòng Đoàn ĐBQH, Văn phòng HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2019 theo Nghị quyết số 580/2018/UBTVQH14, ngày 04/10/2018. Tuy nhiên, sau gần 02 năm hoạt động không hiệu quả và có nhiều nhiệm vụ chồng chéo, bất cập. Được sự đồng ý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV tại Nghị quyết số 1004/2020/UBTVQH, ngày

18/9/2020 và Nghị định số 107/2020/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh tách thành hai văn phòng: Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh và đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2021.

+ *Đối với cấp huyện*: Đã thực hiện thí điểm mô hình cơ quan tham mưu giúp việc chung Khối MTTQ và các đoàn thể tại 3 huyện: Lâm Hà, Đạ Huoai và Đạ Tẻh. Đến nay, mô hình này đã đi vào hoạt động và đáp ứng được các yêu cầu theo chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, đặc biệt có địa phương đã triển khai mô hình này đến cấp cơ sở.

4.2. Đối với Đảng đoàn HĐND tỉnh

- Ban hành Nghị quyết số 106/2018/NQ-HĐND, ngày 13/12/2018 về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở trong nước thuộc tỉnh; các nghị quyết về sắp xếp, sát nhập thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh; các nghị quyết về số lượng người làm việc trong các cơ quan trên địa bàn tỉnh.

- Ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng và hằng năm, đưa ra các giải pháp để thực hiện phát triển nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị. Các nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành đúng thẩm quyền, kịp thời thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về chiến lược phát triển cán bộ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

- Đảng đoàn HĐND tỉnh luôn quan tâm thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ theo quy định, hướng dẫn của Đảng, đảm bảo về số lượng, chất lượng, cơ cấu hợp lý, quan tâm đến nguồn cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số, có tính kế thừa; quan tâm kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy³ theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Đảng đoàn lãnh đạo, chỉ đạo Thường trực HĐND, Ban Pháp chế HĐND tỉnh theo dõi, giám sát, đôn đốc việc thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị, địa phương không làm tăng thêm đầu mối và biên chế; công tác phân bổ, tuyển dụng, sử dụng biên chế và lộ trình thực hiện tinh giản biên chế ở các cơ quan, địa phương để đạt mục tiêu tinh giản biên chế giai đoạn 2015 - 2020; 2020 - 2025.

4.3. Đối với Ban cán sự đảng UBND tỉnh

- Lãnh đạo, chỉ đạo UBND tỉnh: (1) Rà soát, sửa đổi bổ sung 07 quy định, văn bản pháp luật về cán bộ và công tác cán bộ; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với

³ Thực hiện Nghị định số 48/2016/NĐ-CP ngày 27/5/2016 của Chính phủ; năm 2018, Đảng đoàn đã chỉ đạo Văn phòng HĐND tỉnh sắp xếp 02 phòng chuyên môn (Phòng Công tác HĐND và Phòng Dân nguyện thông tin) thành 01 phòng (Phòng Tổng hợp) và giải tán 01 đơn vị sự nghiệp (Trung tâm Thông tin thuộc Văn phòng ĐDBQH và HĐND tỉnh); Thực hiện Nghị quyết số 580/2018/NQ-UBTVQH ngày 04/10/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh được thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2019. Trong đó, bộ phận giúp việc HĐND tỉnh là phòng Công tác HĐND; Phòng HC, TC, QT của Văn phòng HĐND tỉnh sáp nhập với phòng HC-TC, Phòng QT-TV của Văn phòng UBND tỉnh. Thực hiện Nghị quyết số 1004/2020/UBTVQH14, ngày 18/9/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Đảng đoàn HĐND tỉnh đã chỉ đạo xây dựng đề án thành lập Văn phòng ĐDBQH và HĐND tỉnh, được thành lập ngày 01/01/2021 theo Nghị quyết số 219/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh. Đến nay, Văn phòng đã ổn định tổ chức bộ máy, gồm 04 phòng chuyên môn: Phòng Công tác Quốc hội; Phòng Công tác HĐND; Phòng Hành chính, Tổ chức, Quản trị; Phòng Dân nguyện và Thông tin.

ràng buộc trách nhiệm và kiểm soát chặt chẽ quyền lực⁴; (2) Sửa đổi bổ sung 03 quy định về thi đua, khen thưởng⁵ và Nghị quyết số 110/2022/NQ-HĐND, ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh về mức tiền thưởng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, tiêu biểu dẫn đầu phong trào thi đua; lập thành tích xuất sắc đột xuất; (3) Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển đội ngũ khoa học và công nghệ trình độ cao, chính sách trọng dụng nhân tài⁶. UBND tỉnh đã dự thảo Kế hoạch xét tuyển công chức khối hành chính nhà nước tỉnh theo quy định tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ với 01 chỉ tiêu về quản lý du lịch tại Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch.

Hiện nay, Sở Nội vụ đang lấy ý kiến của các cơ quan, địa phương, đơn vị *(thực hiện ý kiến kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)* để hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết quy định chính sách thu hút và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng đến năm 2030, hoàn thiện hồ sơ trình HĐND tỉnh theo quy định.

- Chỉ đạo xây dựng và tổ chức chương trình học tập ngoại ngữ cho cán bộ các cấp. Sở Nội vụ đã tham mưu đề Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành 04 nghị quyết⁷; 10 quyết định, kế hoạch⁸. Các địa phương, cơ quan, đơn vị bám sát kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của tỉnh chủ động xây dựng kế hoạch, nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm và từng giai đoạn phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Thực hiện cơ chế bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý theo hướng mở rộng thi tuyển cạnh tranh theo chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh⁹. Từ năm 2018 đến nay, tỉnh đã tổ chức thi tuyển 04 chức danh lãnh đạo, quản lý, cụ thể: 01 Phó giám đốc Sở Tư pháp; 01 Phó trưởng Ban quản lý các Khu công nghiệp; 01 Phó giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng.

- Xây dựng quy định về đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, tạo nguồn và phát huy đội ngũ cán bộ, người dân tộc thiểu số ở các cấp theo Quyết định số 402/QĐ-TTg, ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 5106/KH-UBND ngày 29/8/2016 về thực hiện Đề án phát triển đội ngũ

⁴ (1) Ban hành Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 31/5/2019; (2) Quyết định số 50/2019/QĐ-UBND ngày 22/11/2019; (3) Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 14/10/2021; (4) Quyết định số 2546/QĐ-UBND ngày 13/10/2021; (5) Văn bản số 9185/UBND-TKCT ngày 30/11/2022; (6) Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 20/3/2018; (7) Quyết định số 2534/QĐ-UBND ngày 07/12/2018.

⁵ (1) Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 25/3/2019; (2) Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND, ngày 25/6/2021; (3) Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 14/01/2020.

⁶ Hướng dẫn số 407/SNV-CCVC ngày 07/5/2019 thực hiện Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

⁷ (1) Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18/4/2017 của Tỉnh ủy về đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025; (2) Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Tỉnh ủy về đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; (3) Nghị quyết 106/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh về quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở trong nước thuộc tỉnh.

⁸ (1) Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 14/3/2019; (2) Kế hoạch số 6801/KH-UBND ngày 19/10/2018; (3) Kế hoạch số 6553/KH-UBND ngày 05/8/2020; (4) Quyết định số 1750/KH-UBND ngày 08/7/2021; (5) Kế hoạch số 2867/KH-UBND ngày 10/5/2021; (6) Kế hoạch số 7467/KH-UBND ngày 03/10/2022; (7) Kế hoạch số 9186/KH-UBND ngày 30/11/2022; (8) Kế hoạch số 2567/KH-UBND ngày 15/4/2022; (9) Kế hoạch số 6158/KH-UBND ngày 17/7/2023; (10) Kế hoạch số 7518/KH-UBND ngày 29/8/2023 của UBND tỉnh.

⁹ (1) Thông báo số 202-TB/TW, ngày 26/5/2015 của Bộ Chính trị và Văn bản số 2424/BNV-CCVC ngày 09/5/2017 của Bộ Nội vụ; (2) Đề án số 01-ĐA/TU ngày 14/9/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, thí điểm đổi mới cách tuyển chọn lãnh đạo, quản lý cấp sở, cấp phòng ở tỉnh; (3) Quy chế thi tuyển chức danh lãnh đạo quản lý cấp sở thuộc UBND tỉnh; Quyết định số 2534/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh.

cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới giai đoạn 2016 - 2020 và những năm tiếp theo. Kết quả tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2023 là 3.249 người.

- Thực hiện tốt chính sách chính sách đất ở, nhà ở¹⁰ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

- Cơ chế khoán, định mức khoán chi thường xuyên để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 04/8/2021, quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách chi thường xuyên ở địa phương giai đoạn 2022-2025; Nghị quyết số 195/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách chi thường xuyên ở địa phương giai đoạn 2022-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 04/8/2021 của HĐND tỉnh.

4.4. Đối với Ban Tổ chức Tỉnh ủy

- Trên cơ sở các văn bản của Trung ương quy định về công tác cán bộ, đã kịp thời tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy điều chỉnh, bổ sung 09 quy định, kế hoạch về công tác cán bộ¹¹, nhằm thực hiện nghiêm quy trình công tác cán bộ, việc đề bạt bổ nhiệm, hiệp y công tác cán bộ, giới thiệu cán bộ ứng cử đảm bảo tiêu chuẩn chức danh theo quy định và theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công bằng, đổi mới mạnh mẽ, toàn diện công tác cán bộ theo chỉ đạo của Trung ương. Vai trò, trách nhiệm của tập thể lãnh đạo, người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị về công tác cán bộ được phát huy; các chủ trương, chính sách, nội dung quản lý cán bộ do tập thể cấp ủy, tổ chức đảng thảo luận dân chủ và quyết định theo đa số, đúng thẩm quyền, tạo môi trường, thúc đẩy để cán bộ đổi mới, sáng tạo.

- Thực hiện cải cách hồ sơ thủ tục khi thực hiện quy trình công tác cán bộ (*điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu cán bộ ứng cử*) thông qua phần mềm hệ thống OMS, giảm bớt được thủ tục hồ sơ giấy so với trước đây. Từ năm 2018 đến nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thực hiện việc luân chuyển cán bộ 07 lượt cán bộ là

¹⁰ Năm 2019, UBND tỉnh đã phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất, dự án Nhà ở xã hội Khu Vạn Hạnh – Mai Xuân Thưởng - Lô B7-25, phường 8, thành phố Đà Lạt và dự án Nhà ở xã hội Khu dân cư 5B - Khu dân cư tái định cư 5B, phường 3, thành phố Đà Lạt. Năm 2020, tiếp tục thực hiện rà soát các vị trí quỹ đất kêu gọi đầu tư các Dự án nhà ở xã hội tại thành phố Đà Lạt gồm: Đường Nguyễn Tử Lực - Trần Đại Nghĩa; đường Phù Đồng Thiên Vương - Vạn Hạnh - Mai Xuân Thưởng; Khu dân cư 5B (giai đoạn 1); Trên cơ sở Chương trình phát triển nhà ở tỉnh giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 (được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 13/01/2021), Sở Xây dựng đã xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh 05 năm và hàng năm giai đoạn 2021 – 2025. Tháng 4/2021, Sở Xây dựng đã khảo sát nhu cầu đăng ký thuê, thuê mua, mua nhà ở xã hội cho các đối tượng là CBCCVN, người lao động... trên địa bàn tỉnh.

¹¹ (1) Quy định số 02-QĐ/TU, ngày 31/10/2018 về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; (2) Quy định số 18-QĐ/TU, ngày 09/8/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; (3) Kế hoạch số 30-KH/TU thực hiện Quy định số 205-QĐ/TW, ngày 23/9/2019 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền; (4) Hướng dẫn số 02-HD/BTCTU, ngày 06/7/2021 và tổng hợp kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý nhiệm kỳ 2020-2025, 2021-2026 của các cơ quan, địa phương, đơn vị; (5) Quy định số 10-QĐ/TU, ngày 17/3/2022 quy định tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; (6) Quy định số 11-QĐ/TU, ngày 20/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ; (7) Quy định Quy định số 15-QĐ/TU, ngày 02/12/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về luân chuyển cán bộ; (8) Quy định số 13-QĐ/TW, ngày 27/10/2022, quy định tiêu chuẩn, điều kiện đối với lãnh đạo hội quản chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ; (9) Quyết định số 1406-QĐ/TU, ngày 14/8/2023 ban hành danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở.

trưởng, phó một số sở, ngành, tổ chức chính trị - xã hội ở độ tuổi dưới 50, có trình độ năng lực, phẩm chất, chuyên môn phù hợp, chưa kinh qua lãnh đạo chủ chốt cấp huyện về làm Bí thư, Phó Bí thư, Phó Chủ tịch UBND một số huyện, thành phố (kèm theo Biểu mẫu số 8).

- Tham mưu kiện toàn Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ, các chức danh chủ chốt cấp tỉnh, cấp huyện; chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý các sở, ban, ngành (diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý) 522 trường hợp (kèm theo Biểu mẫu số 7A).

- Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ các cấp nhiệm kỳ 2015 - 2020 và 2016 - 2021; 2020 - 2025 và 2021-2026; 2025 - 2030 và 2026 - 2031 theo quy định. Chất lượng công tác quy hoạch cán bộ của các cơ quan, các cấp ủy ngày càng được nâng lên; quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý các sở, ban, ngành đảm bảo số lượng; quy hoạch ban chấp hành, ban thường vụ các cấp đảm bảo số lượng; quan tâm cơ cấu ngành, lĩnh vực. Cán bộ được quy hoạch đều bảo đảm tiêu chuẩn chức danh. Tỷ lệ cán bộ nữ quy hoạch Ban Chấp hành, Ban Thường vụ cấp ủy nhiệm kỳ sau cao hơn nhiệm kỳ trước, cụ thể: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh: Nhiệm kỳ 2020 - 2025 có 05/53 đồng chí nữ, tỷ lệ 9,43%; nhiệm kỳ 2025 - 2030 có 14/58 đồng chí nữ, tỷ lệ 24,13%. Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Nhiệm kỳ 2020 - 2025 có 02/20 đồng chí nữ, tỷ lệ 10%; nhiệm kỳ 2025-2030 có 02/18 đồng chí, tỷ lệ cán bộ nữ 16%. Công tác quy hoạch cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý của các cơ quan, đơn vị nhiệm kỳ qua có báo cáo chi tiết kèm theo (Biểu mẫu số 2A, 2B).

- Tham mưu công tác chuẩn bị và tổ chức Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025; công tác giới thiệu nhân sự ứng cử Đại biểu Quốc hội, HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 96-KH/TU, ngày 09/8/2019 và Hướng dẫn số 01-HD/TU về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới đại hội XIII của Đảng. Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Trung ương và tỉnh, các cấp ủy đảng đã cụ thể hóa, triển khai chuẩn bị nhân sự cho Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025 và nhân sự đảm nhiệm các chức danh khối Nhà nước nhiệm kỳ 2021 - 2026 tại địa phương, đơn vị. Đề án nhân sự đại hội đại biểu các cấp được chuẩn bị bài bản, chu đáo, đúng quy trình; bảo đảm số lượng, cơ cấu tỷ lệ hợp lý. Hầu hết nhân sự được chuẩn bị có kết quả phiếu tín nhiệm cao tại đại hội. Việc tiếp tục thực hiện chủ trương bầu trực tiếp bí thư tại đại hội đảng bộ các cấp ở những nơi có đủ điều kiện được đa số các địa phương, đơn vị đồng tình, ủng hộ, từ đó nhân sự được bầu trực tiếp bí thư tại đại hội đều trúng cử với kết quả cao. Công tác giới thiệu nhân sự ứng cử Đại biểu Quốc hội, HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 bảo đảm về tiêu chuẩn theo quy định.

- Tham mưu Báo cáo tổng kết công tác quy hoạch cán bộ từ nhiệm kỳ 2010 - 2015; Báo cáo sơ kết công tác luân chuyển cán bộ theo Quy định số 98-QĐ/TW ngày 07/10/2017 đến nay. Qua báo cáo tổng kết đã đánh giá những ưu điểm, khuyết điểm, tồn tại, hạn chế, chỉ ra nguyên nhân, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm và đề ra phương hướng, giải pháp tiếp tục thực hiện công tác quy hoạch, luân chuyển cán bộ, bảo đảm theo quy định.

- Phối hợp với UBND tỉnh và các cơ quan liên quan xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo giai đoạn và hàng năm, bảo đảm toàn diện, có

trọng tâm, trọng điểm; tập trung bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cũng như cán bộ dự nguồn; kết quả đào tạo, bồi dưỡng 3.433 lượt cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng tiêu chuẩn chức danh để bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử¹².

- Căn cứ vào nhu cầu tuyển dụng, vị trí việc làm của các cơ quan, địa phương, đơn vị để tuyển dụng cán bộ, công chức, bảo đảm kế cận và số lượng, biên chế được giao. Công tác thi tuyển có nhiều đổi mới (*đối với việc tuyển chọn cán bộ làm công tác Đoàn*) thực hiện thông qua hình thức phỏng vấn thay cho thi viết. Kết quả tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức từ năm 2018 đến nay là: 2.086 người, trong đó công chức cấp tỉnh: 110 người; viên chức cấp tỉnh: 959 người; công chức cấp huyện: 169 người; viên chức cấp huyện: 803 người; công chức cấp xã: 45 người.

- Phối hợp tốt với Ban cán sự đảng UBND tỉnh tham mưu xây dựng chính sách nhà ở đối với cán bộ, công chức, viên chức. Tham mưu kiện toàn tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ các cấp, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với đề án vị trí việc làm.

4.5. Đối với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

- Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các tổ chức đảng trực thuộc quán triệt, phổ biến và tổ chức thực hiện các quy định của Trung ương¹³ để xây dựng và ban hành quy trình tiếp nhận, xử lý đơn thư, tiếp đảng viên và công dân; Quy định về thẩm định, hiệp y nhân sự và khen thưởng, đồng thời chỉ đạo cấp ủy các cấp thực hiện một số nội dung theo Thông báo kết luận số 54-KL/TW, ngày 16/4/2019 của Bộ Chính trị kết luận “*về kết quả kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”; Quy định số 205-QĐ/TW, ngày 23/9/2019 của Bộ Chính trị về việc kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền.

- Tham mưu xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, nội dung liên quan đến việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các quy định về công tác cán bộ, kê khai tài sản, thu nhập của đảng viên là cán bộ chủ chốt thuộc Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đối với 03 tổ chức đảng¹⁴. Từ tháng 10/2018 đến tháng 10/2023, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy đã phối hợp với các Ban của Tỉnh ủy kiểm tra đối với 07 tổ chức đảng, giám sát đối với 11 tổ chức đảng, 18 đảng viên là cán bộ chủ chốt về việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII; kiểm tra việc kê khai tài sản, thu nhập đối với 57 đảng viên là cán bộ chủ chốt thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý. Qua kiểm tra cho thấy

¹² Đào tạo chuyên môn: Đại học 93; sau đại học 221; đào tạo LLCT: Trung cấp 254, cao cấp: 53; đào tạo tin học 32; quốc phòng an ninh 2.768; ngoại ngữ 22.

¹³ Quy định số 179-QĐ/TW, ngày 25/02/2019 của Bộ Chính trị; Hướng dẫn số 07-HD/UBKTTW, ngày 12/12/2019; Hướng dẫn số 08-HD/UBKTTW, ngày 14/02/2020; Quy định 37-QĐ/TW, ngày 25/10/2021 của BCH Trung ương. Phối hợp Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu xây dựng Đề án nhân sự UBKT Tỉnh ủy khóa XI, nhiệm kỳ 2020-2025 và Đề án luân chuyển cán bộ trong Ngành Kiểm tra Đảng theo Kế hoạch số 126-KH/UBKTTW, ngày 06/10/2023 của UBKT Trung ương.

¹⁴ Thực hiện Quy định số 179 của Trung ương và nhiệm vụ cấp ủy giao, UBKT Tỉnh ủy đã tiến hành kiểm tra công tác cán bộ đối với 03 tổ chức đảng (BTV Huyện ủy Lạc Dương, Đạ Huoai và Đảng ủy Sở Tài nguyên và Môi trường).

các tổ chức đảng đã lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác cán bộ tương đối tốt, quan tâm quán triệt, phổ biến các văn bản về công tác cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ cơ bản đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, góp phần củng cố và kiện toàn hệ thống chính trị của địa phương. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy yêu cầu thu hồi quyết định bổ nhiệm đối với 02 cán bộ cấp phòng của huyện, xem xét xử lý kỷ luật Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy, Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện do vi phạm trong công tác cán bộ.

- Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghiêm quy định về tiếp nhận, xử lý những phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của nhân dân; chỉ đạo thực hiện tốt tiếp nhận và phân loại, xử lý đơn thư, kịp thời chuyển các cơ quan chức năng giải quyết đơn thư không thuộc thẩm quyền, yêu cầu báo cáo kết quả giải quyết về Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy để theo dõi, đồng thời thông báo hoặc hướng dẫn cho người viết đơn biết, liên hệ.

4.6. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

- Thường xuyên tuyên truyền, chỉ đạo cơ quan chuyên môn tuyên truyền, phổ biến gương điển hình tiên tiến, những cách làm sáng tạo, hiệu quả theo phương châm: “*lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực*”, “*lấy cái đẹp dẹp cái xấu*” và phản ánh những nơi làm chưa tốt, kém hiệu quả; đẩy mạnh đấu tranh, ngăn chặn, phản bác, xử lý kịp thời, hiệu quả luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch nói xấu, làm giảm uy tín cán bộ; lợi dụng những khuyết điểm, hạn chế của cán bộ để phá hoại, chia rẽ, gây mất đoàn kết nội bộ, cản trở việc thực hiện Nghị quyết, Kế hoạch.

- Chỉ đạo các cơ quan báo, đài¹⁵, đội ngũ báo cáo viên các cấp¹⁶ đổi mới nội dung, đa dạng các phương pháp tuyên truyền để giúp cán bộ, đảng viên, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, đảng viên làm công tác tổ chức nhận thức đúng, đầy đủ tinh thần Nghị quyết để cụ thể hóa thực hiện phù hợp với đặc điểm, tình hình cơ quan, địa phương, đơn vị; nhiều phóng viên báo chí đã tích cực viết nhiều tác phẩm tham gia dự thi Giải báo chí toàn quốc về xây dựng Đảng (*mang tên Búa liềm vàng*)¹⁷ để phản ánh quá trình thực hiện và kết quả bước đầu tại địa phương Lâm Đồng.

- Chỉ đạo tuyên truyền thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII; Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Quy định số 205-QĐ/TW, ngày 23/9/2019 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền.

- Ban hành Hướng dẫn 105-HD/BTGTU, ngày 25/7/2018 và Hướng dẫn 107-HD/BTGTU, ngày 27/8/2018 về Hội thi Báo cáo viên giỏi các cấp trong tỉnh năm 2018 để thực hiện (*Hội thi Báo cáo viên cấp tỉnh có 7/20 thí sinh dự thi tuyên truyền về Nghị quyết 18, 26-NQ/TW, trong đó 2 đồng chí đạt giải nhất và giải ba toàn tỉnh*); khen thưởng 03 tác phẩm.

- Tổ chức điều tra dư luận xã hội về công tác cán bộ, tình giảm biên chế, sắp xếp bộ máy để đánh giá kết quả bước đầu triển khai thực hiện Nghị quyết 18, 19 và

¹⁵ Hướng dẫn 105-HD/BTGTU, ngày 25/7/2018; Hướng dẫn 107-HD/BTGTU, ngày 27/8/2018.

¹⁶ Hội thi Báo cáo viên giỏi các cấp trong tỉnh năm 2018 (*Hội thi Báo cáo viên cấp tỉnh có 7/20 thí sinh dự thi tuyên truyền về Nghị quyết 18, 26-NQ/TW, trong đó 2 đồng chí đạt giải nhất và giải ba toàn tỉnh*).

¹⁷ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã khen thưởng các tác phẩm: Kiểm soát quyền lực của cán bộ, đảng viên để xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; Văn phòng Tỉnh ủy và bước đi tiên phong với đề án 03; kiểm soát quyền lực, chống chạy chức, chạy quyền và câu chuyện ở Lâm Đồng; phát huy vai trò của đảng viên; kiên quyết xử lý trách nhiệm người đứng đầu,...

26-NQ/TW khóa XII. Qua đó, đã góp phần nhận định được dư luận đánh giá mặt ưu, khuyết điểm trong quá trình triển khai thực hiện; đồng thời cũng là kênh thông tin tham khảo, góp phần làm căn cứ đề ra các giải pháp, lộ trình triển khai thực hiện phù hợp với đặc điểm của từng địa phương, đơn vị.

4.7. Đối với Đảng ủy quân sự tỉnh

- Đã xây dựng Kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện đúng theo kế hoạch, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh, các thông tư, quy định, hướng dẫn của Bộ Quốc phòng, Quân khu. Công tác cán bộ từ khâu tuyển dụng, quy hoạch, luân chuyển, bố trí, sử dụng, bầu cử, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức, đình chỉ công tác luôn được thực hiện chặt chẽ, đúng nguyên tắc theo quy định, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh, quy chế công tác cán bộ của Quân ủy Trung ương, quy chế công tác cán bộ của Đảng ủy Quân khu 7 và quy chế công tác cán bộ của Thường vụ Đảng ủy Quân sự tỉnh.

- Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ đảng viên; nâng cao chất lượng hiệu quả công tác cán bộ cũng như công tác nhận xét, đánh giá cán bộ; coi trọng công tác xây dựng “Chi bộ 5 tốt, đảng viên 5 tốt”, phát huy tốt mô hình “Cán bộ đảng viên đi đầu dắt cán bộ quần chúng cấp dưới”.

4.8. Đối với Đảng ủy Công an tỉnh

- Đã chỉ đạo, triển khai xây dựng lực lượng công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và nhân dân theo tinh thần Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 15/3/2018 của Bộ Chính trị về việc tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả; trong đó đề ra nhiệm vụ “*Xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy. Trước mắt bố trí công an xã chính quy tại các địa bàn trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự, tiến tới thực hiện thống nhất trong toàn quốc sau khi hoàn thiện các văn bản liên quan*”. Đến nay, đã bố trí công an chính quy đảm nhiệm chức danh Trưởng Công an xã 142/142 xã, đã thành lập 142 chi bộ Công an độc lập. Thực hiện tốt Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 16/3/2022 của bộ chính trị về “*đẩy mạnh xây dựng lực lượng công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới*”.

- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Kết luận số 72-KL/TW, ngày 19/5/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong tình hình hiện nay; Kết luận số 53-KL/TW, ngày 04/6/2019 của Ban Bí thư về chỉ đạo đấu tranh ngăn chặn, xử lý, gỡ bỏ, triệt phá tin giả, thông tin sai sự thật, xấu độc trên Internet, mạng xã hội và các chủ trương của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị nội bộ trên không gian mạng, nhất là cán bộ cấp chiến lược; đồng thời phối hợp với các cơ quan, địa phương, đơn vị tăng cường công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ trên không gian mạng, nhất là bảo vệ cán bộ lãnh đạo chủ chốt của tỉnh.

4.9. Đối với Đảng đoàn MTTQVN tỉnh

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của MTTQ Việt Nam về công tác giám sát và phản biện xã hội theo quy định của Đảng, Nhà nước; Đảng đoàn MTTQ tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch giám sát thường xuyên, nắm bắt tình hình và tiếp nhận các thông tin, phản ánh, kiến nghị từ các thông tin đại chúng, các tổ chức thành viên, cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Từ năm 2018 đến nay, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh đã tập trung chỉ đạo, hướng dẫn công tác tuyên truyền, phát huy vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, nhân dân tham gia giám sát đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên; thông qua nắm tình hình nhân dân, dư luận xã hội, đơn thư, phản ánh, Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp kịp thời có văn bản gửi cấp ủy, chính quyền để xem xét, giải quyết. MTTQ Việt Nam tỉnh đã tổ chức giám sát 18 nội dung¹⁸; MTTQ Việt Nam cấp huyện giám sát được 218 cuộc; MTTQ Việt Nam cấp xã giám sát được 1.008 cuộc. Đồng thời giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người được quy hoạch vào cấp ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025 tại huyện Đa Huệ và Di Linh; hướng dẫn MTTQ các huyện, thành phố tổ chức giám sát đối với người được quy hoạch cấp ủy, nhiệm kỳ 2020 - 2025 ở cấp xã¹⁹. Tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong tỉnh giám sát được 248 cuộc. Bên cạnh đó, thường xuyên hướng dẫn phát huy vai trò của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng tham gia giám sát đối với các chương trình, dự án trên địa bàn theo Luật Thanh tra và Luật Đầu tư công.

4.10. Đảng đoàn các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và Ban thường vụ Tỉnh đoàn

Cụ thể hóa thực hiện kế hoạch, hướng dẫn của cấp trên về thực hiện các quy định của Trung ương về giám sát, phản biện xã hội; xây dựng kế hoạch giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện bản lĩnh, nâng cao đạo đức cách mạng cho cán bộ, hội viên, đoàn viên, gắn với việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Phối hợp với các cấp ủy, tổ chức đảng thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết về cán bộ trẻ, cán bộ nữ trong công tác quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm và làm tốt công tác nhân sự Đại hội của ngành mình. Tỉnh đoàn đã cụ thể hoá kế hoạch của Trung ương Đoàn về thu hút, tập hợp thế hệ trẻ; chủ động nắm tình hình, bồi dưỡng, rèn luyện bản lĩnh chính trị, truyền thống, đạo đức cách mạng, văn hoá, lịch sử, tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc đối với đoàn viên, thanh niên, sinh viên. Tích cực chủ động tình gián biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả gắn với đề án vị trí việc làm. Phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu xây dựng quy định về đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, tạo nguồn cán bộ trẻ ở các cấp.

¹⁸ (1) Năm 2019, giám sát tại Lạc Dương, Đức Trọng, Đơn Dương, Đà Lạt và Bảo Lộc theo hình thức liên thông (cấp tỉnh, huyện và xã), gắn giám sát với phát động phong trào. (2) Năm 2020, giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người được quy hoạch vào cấp ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025; việc phát triển nhà lưới, nhà kính; thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. (3) Năm 2021, giám sát việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; giám sát cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ năm 2021; về chính sách hỗ trợ làm nhà ở cho hộ nghèo theo Đề án 654/UBND-XD; giải quyết thủ tục hành chính về cấp phép xây dựng cho người dân. (4) Năm 2022, giám sát việc thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP; thực hiện CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và Miền núi giai đoạn I; việc giải quyết khiếu nại của các hộ dân liên quan đến việc tính toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất tại Lô 90, huyện Đức Trọng; việc thực hiện các quy định của pháp luật về bồi thường, giải phóng mặt bằng tại dự án hồ chứa nước Ta Hoét. (5) Năm 2023, giám sát việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân đối với UBND huyện Đơn Dương và thành phố Đà Lạt; thực hiện CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và Miền núi giai đoạn I đối với UBND huyện Lạc Dương và Đam Rông; thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TU về lãnh đạo xây dựng, nhân rộng và nâng cao chất lượng Khu dân cư tiêu biểu, Khu dân cư kiểu mẫu giai đoạn 2021-2023; việc bảo đảm kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra Nhân dân và Ban Giám sát đầu tư cộng đồng giai đoạn 2021-2022. Năm 2020, 2021, 2022 đã tổ chức các đợt giám sát thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19...

¹⁹ Kết quả thông qua giám sát bằng hình thức lấy phiếu khảo sát và nắm tình hình dư luận nhân dân, MTTQ Việt Nam tỉnh và các huyện, thành phố đã có báo cáo, kiến nghị với cấp ủy xem xét một số trường hợp cán bộ được quy hoạch vào cấp ủy có dấu hiệu suy thoái về đạo đức, lối sống...

4.11. Trường Chính trị tỉnh

Hàng năm, trên cơ sở chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, đã phối hợp với các cơ quan liên quan: (1) Xây dựng chương trình kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; (2) Xây dựng nội dung chương trình các lớp bồi dưỡng theo hướng đổi mới, bổ sung theo từng năm và theo nhiệm kỳ đại hội; (3) Nội dung kiến thức lý luận đảm bảo gắn với thực tiễn, mang tính thời sự và định hướng chính trị; (4) Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng và hướng dẫn Trung tâm chính trị cấp huyện đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên; (5) Xây dựng nội dung, chương trình, tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng để bổ sung, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ dự nguồn thuộc diện Ban Thường vụ cấp ủy các cấp quản lý; (6) Xây dựng quy định về quản lý nghiêm chế độ dạy và học lý luận chính trị, khắc phục tình trạng ngại học, lười học hoặc học qua loa, chiếu lệ.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết, Kế hoạch, hầu hết các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đã kịp thời ban hành kế hoạch triển khai thực hiện, đảm bảo toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm; xác định rõ nhiệm vụ thường xuyên, nhiệm vụ cụ thể phù hợp với tình hình thực tiễn của cơ quan, địa phương, đơn vị.

- Các cấp ủy đảng đã chỉ đạo, ban hành nhiều nghị quyết, kết luận, chỉ thị và sửa đổi, bổ sung nhiều quy định, quy chế để tổ chức thực hiện. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát quyền lực bằng các quy định, quy chế, đề cao trách nhiệm giải trình trong các cơ quan, đơn vị. Quy trình công tác cán bộ từ khâu tuyển dụng đến quy hoạch, đào tạo, bố trí sử dụng cán bộ ngày càng chặt chẽ, đồng bộ, công khai, minh bạch, khoa học và dân chủ hơn. Các đồng chí ủy viên ban thường vụ, cấp ủy viên được phân công phụ trách địa bàn thường xuyên theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ; qua đó kịp thời đôn đốc, chấn chỉnh, định hướng cho các cấp ủy để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác cán bộ, nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy, cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc. Vai trò, trách nhiệm của tập thể lãnh đạo, người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị về công tác cán bộ được phát huy; các chủ trương, chính sách, nội dung quản lý cán bộ do cấp ủy, tổ chức đảng thảo luận dân chủ và quyết định theo đa số, đúng thẩm quyền.

- Cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo động lực và sức lan tỏa sâu rộng. Nêu cao kỷ luật, kỷ cương, có tác dụng cảnh báo, răn đe góp phần ngăn chặn các hành vi tiêu cực trong đội ngũ cán bộ, đảng viên.

- Việc tuyển chọn cán bộ lãnh đạo thông qua hình thức thi tuyển nhằm lựa chọn, bổ nhiệm người thực sự nổi trội có năng lực lãnh đạo, quản lý, vững về chuyên môn nghiệp vụ, xứng đáng với vị trí lãnh đạo, quản lý cần bổ nhiệm.

- Công tác quy hoạch cán bộ được thực hiện theo đúng quy trình, thủ tục theo quy định. Việc xem xét đề bạt, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử đảm bảo tiêu chuẩn. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của tỉnh đảm bảo số lượng, có cơ cấu

hợp lý; phát huy trí tuệ tập thể, đóng góp nhiều giải pháp thiết thực vào sự lãnh đạo của tỉnh; luôn bám sát nhiệm vụ, địa bàn, lĩnh vực được phân công phụ trách, chủ động phối hợp với các cấp ủy tháo gỡ những khó khăn, đồng thời đề xuất những giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo phù hợp.

- Các cấp ủy triển khai thực hiện nghiêm túc chủ trương thí điểm trong bầu cử và bố trí các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý; quan tâm bố trí chức danh bí thư cấp ủy không phải người địa phương và thực hiện luân chuyển cán bộ; số lượng, chất lượng cán bộ luân chuyển được nâng lên, khắc phục dần tình trạng khép kín, cục bộ, hẫng hụt, bị động, chắp vá trong công tác cán bộ, hạn chế tình trạng sử dụng, bố trí cán bộ đảm nhận chức vụ quá lâu ở một vị trí công tác.

- Công tác đánh giá cán bộ có nhiều đổi mới về nhận thức và cách làm; các tiêu chí đánh giá được xây dựng cụ thể, có tính định lượng, trong đó xác định khối lượng, tiến độ hoàn thành và hiệu quả công việc được giao, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao để đánh giá cán bộ. Hằng năm, việc đánh giá cán bộ được thực hiện theo quy trình, gắn với phân tích chất lượng đảng viên, kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII, XIII và theo quy định.

- Các cấp ủy đảng luôn chú trọng công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quy định, quy chế của Trung ương, của tỉnh về công tác cán bộ; xử lý, bố trí cán bộ vi phạm sau kỷ luật được thực hiện nghiêm minh, đúng đối tượng, quy định đối với 135 đồng chí²⁰. Thực hiện tốt kiểm tra chuyên đề; kịp thời đánh giá rút kinh nghiệm và chỉ đạo tổ chức sơ kết, tổng kết theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương. Kịp thời sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

2. Khuyết điểm, hạn chế

2.1. Về công tác cán bộ

- Nhận thức của một số cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị và một số cán bộ, đảng viên về cán bộ và công tác cán bộ chưa thật sự đầy đủ, đúng mức.

- Chất lượng cán bộ, công chức, viên chức có một số nơi chưa đồng đều; hiệu quả công tác tham mưu có mặt còn hạn chế, có lúc chưa thật sự chủ động, sáng tạo; đội ngũ cán bộ vẫn còn tình trạng vừa thiếu, vừa thừa; cơ cấu cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số có nơi, có lúc chưa hợp lý.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác cán bộ tại một số cấp ủy chưa thật sự quyết liệt, thường xuyên; chưa mạnh dạn thay thế một số trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ, uy tín thấp. Chưa phát huy hết vai trò giám sát của cơ quan dân cử; giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Việc bố trí, sử dụng cán bộ có trường hợp còn nặng về chính sách, cơ cấu, nhất là khi sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, dẫn đến khó khăn trong việc sắp xếp bố trí cán bộ, còn tình trạng cán bộ “*thừa mà vẫn thiếu*”, do chưa đảm bảo năng lực thực tiễn để đảm đương tốt nhiệm vụ được giao theo yêu cầu mới.

²⁰ Từ năm 2018 đến nay xử lý kỷ luật, bố trí công tác khác: BTVTƯ 02 đồng chí, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh: 02 đồng chí; Phó Chủ tịch UBND tỉnh: 01 đồng chí; cấp trưởng các sở, ban, ngành: 03 đồng chí, cấp phó: 05 đồng chí; Trưởng các DVSN cấp tỉnh: 07 đồng chí; cấp phó 01 đồng chí; cấp huyện 22 đồng chí; cấp xã 80 đồng chí.

- Một số trường hợp cán bộ khi bố trí công tác còn gặp khó khăn trong công tác thực tiễn, hòa nhập với môi trường mới; tâm lý ngại va chạm, tinh thần năng động, dám nghĩ, dám làm và chịu trách nhiệm chưa thật cao; vẫn còn một số cán bộ, đảng viên chưa thể hiện vai trò gương mẫu, giảm sút về phẩm chất đạo đức, lối sống, vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật, ảnh hưởng đến uy tín của Đảng, giảm niềm tin trong nhân dân.

2.2. Về thực hiện các quy định, luật

Hiện nay, Luật bảo hiểm xã hội; Luật công chức, Luật viên chức; Luật lao động và các văn bản quy phạm pháp luật về chế độ, quyền lợi bảo hiểm xã hội có nhiều thay đổi, nhất là độ tuổi nghỉ hưu và thời gian tính bảo hiểm xã hội khi nghỉ hưu, nhưng Luật sỹ quan quân đội nhân dân Việt Nam vẫn giữ nguyên. Từ đó, dẫn đến những băn khoăn trong tư tưởng của đội ngũ cán bộ, sỹ quan thuộc lực lượng vũ trang, phần nào ảnh hưởng đến việc quy hoạch, đào tạo, bố trí sử dụng, xây dựng đội ngũ cán bộ theo mục tiêu Nghị quyết.

2.3. Về chế độ chính sách

- Chế độ tiền lương chưa thực sự đáp ứng nhu cầu, nhất là đối với cán bộ hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, tổ dân phố dẫn đến một số cán bộ chưa thực sự yên tâm công tác để phát huy tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ.

- Một số cơ chế, chính sách giải pháp để thực hiện đề án đào tạo, nâng cao phát triển nguồn nhân lực chưa được các cấp các ngành quan tâm đúng mức, như: Chính sách thu hút các nhà khoa học, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về công nghệ thông tin; chính sách thu hút sinh viên tốt nghiệp đại học về công tác tại các xã vùng sâu, vùng dân tộc thiểu số... Một số nhiệm vụ cụ thể chưa thực hiện như: Triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhân tài và cơ chế phát hiện, bồi dưỡng tài năng trẻ từ học sinh, sinh viên để tạo nguồn cán bộ lâu dài; xây dựng cơ chế, chính sách phát triển đội ngũ khoa học và công nghệ có trình độ cao, tâm huyết; cơ chế, chính sách trọng dụng, ưu đãi, thu hút các nhà khoa học đóng góp cho sự phát triển của tỉnh...

2.4. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

Một số địa phương chưa thật sự quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa giảng viên, báo cáo viên. Một số học viên khi tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng còn tình trạng đối phó, chưa tích cực tự học, tự nghiên cứu.

3. Nguyên nhân hạn chế, khuyết điểm

3.1. Nguyên nhân chủ quan

- Một số cấp ủy đảng chưa nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp nên chậm thực hiện; việc ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng có lúc chưa kịp thời, chưa sát với thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị. Khả năng nhận thức, vận dụng, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước của một số cấp ủy còn hạn chế. Nhận thức của một số cán bộ, đảng viên chưa sâu sắc, thiếu tự giác trong học tập, rèn luyện, thiếu tinh thần học hỏi, cầu tiến, nâng cao năng lực, trình độ.

- Việc nắm tình hình, phát hiện xử lý vướng mắc về công tác cán bộ và thực hiện chính sách đối với cán bộ đôi lúc chưa kịp thời. Tính chủ động nghiên cứu, đề

xuất của cơ quan tham mưu về công tác cán bộ có mặt còn hạn chế.

3.2. Nguyên nhân khách quan

- Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành còn có những nội dung chưa rõ, thiếu hoặc rất khó thực hiện trong thực tế, như mục tiêu của chương trình đào tạo ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức; việc hướng dẫn công tác quản lý cán bộ, công chức còn có sự chông chéo giữa cơ quan của Đảng và cơ quan hành chính nhà nước.

- Một số quy định trong công tác cán bộ chưa phù hợp với thực tế, nhất là quy định về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ chưa thống nhất giữa khối Đảng, khối Nhà nước; giữa địa phương này với địa phương khác; giữa ngành dọc với địa phương...

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Tiếp tục chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ thường xuyên, nhiệm vụ cụ thể theo Kế hoạch số 63-KH/TU, ngày 10/10/2018 của Tỉnh ủy.

2. Chỉ đạo tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao bản lĩnh chính trị, ý thức, tinh thần trách nhiệm, đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, trước hết là đội ngũ cấp ủy, người đứng đầu; kiên quyết, kiên trì thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, khóa XII, XIII; Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các quy định về nêu gương của cán bộ, đảng viên; thực hiện nghiêm túc chế độ học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị và cập nhật kiến thức mới cho đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ trẻ được đào tạo cơ bản, đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Tiếp tục quán triệt thực hiện tốt Quy định 114-QĐ/TW, ngày 11/7/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ gắn với trách nhiệm người đứng đầu; củng cố kiện toàn và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng, có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống tốt, tận tụy với nhiệm vụ được giao.

4. Lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới, nâng cao chất lượng công tác kiểm điểm, nhận xét, đánh giá cán bộ gắn với quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh; tiếp tục thí điểm mô hình Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch UBND tại cơ sở ở những nơi đủ điều kiện; thực hiện tốt công tác điều động, luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý để rèn luyện qua thực tiễn ở các cấp, các lĩnh vực.

5. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị nâng cao trách nhiệm, thực hiện nghiêm túc quy trình, các khâu, các bước trong công tác cán bộ và tạo môi trường, điều kiện để phát triển, xây dựng, bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng và có cơ cấu hợp lý. Triển khai thực hiện tốt việc cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức, cho thôi giữ chức vụ theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội; nắm chắc vấn đề chính trị của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

6. Xây dựng, cụ thể hóa các quy định của Trung ương về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; công tác cán bộ theo phân cấp quản lý để thống nhất tổ chức thực hiện; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra định kỳ, đột xuất, theo chuyên đề đối với các tổ chức, cá nhân cán bộ lãnh

đạo, quản lý, kịp thời chấn chỉnh những hạn chế, tồn tại; đồng thời kiên quyết, xử lý nghiêm minh khi tổ chức, cá nhân có vi phạm trong việc thực hiện công tác cán bộ theo quy định. Thực tốt cơ chế mở rộng dân chủ, phát huy vai trò giám sát của cơ quan dân cử; vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; phát huy vai trò của nhân dân trong tham gia xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ; mở rộng các hình thức lấy ý kiến phù hợp, đánh giá sự hài lòng của người dân đối với từng trường hợp cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị.

7. Chỉ đạo các cấp ủy, cơ quan, đơn vị nêu cao trách nhiệm, thường xuyên chăm lo xây dựng, củng cố cơ quan, cán bộ làm tham mưu về công tác cán bộ thật sự trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp; đặc biệt coi trọng việc lựa chọn, bố trí đúng người đứng đầu cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ; nâng cao nhận thức, chất lượng công tác tham mưu, phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các cơ quan tham mưu trong công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo đúng quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

8. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến, những cách làm sáng tạo, hiệu quả trong thực hiện Nghị quyết; đồng thời tham mưu Ban chỉ đạo 35 của tỉnh kịp thời đấu tranh với những quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch nói xấu, làm giảm uy tín cán bộ; lợi dụng những khuyết điểm, hạn chế của cán bộ để phá hoại, chia rẽ, gây mất đoàn kết nội bộ, cản trở việc thực hiện Nghị quyết của Trung ương và của Tỉnh ủy. Tham mưu cụ thể hóa thực hiện quy định về phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan truyền thông, báo chí trong xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ.

9. Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế theo tinh thần Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị; Nghị định 29/2023/NĐ-CP, ngày 03/6/2023 của Chính phủ; Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW, ngày 20/12/2019 của Ban Tổ chức Trung ương, đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Trung ương (báo cáo),
- Vụ địa phương III- BTCTW (báo cáo),
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, BTV Tỉnh đoàn,
- Các sở, ban, ngành của tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, TH3.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Trần Đình Văn

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ CÔNG TÁC LUÂN CHUYỂN CÁN BỘ
TỪ NĂM 2018 ĐẾN NAY***(theo Báo cáo số 498 - BC/TU, ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)****Biểu 1***

Số TT	Hình thức luân chuyển	Chức vụ luân chuyển đến								Chức vụ sau luân chuyển			Tổng số lượt người luân chuyển			
		Bí thư	Phó Bí thư	UBND		HĐND		Trưởng ban, ngành và tương đương	Phó trưởng ban, ngành và tương đương	Giữ nguyên chức vụ hoặc tương đương	Bổ trí chức vụ cao hơn	Bổ trí chức vụ thấp hơn	Tổng số	Trong đó, số lượng xác định theo thời gian luân chuyển		
				Chủ tịch	Phó Chủ tịch	Chủ tịch	Phó Chủ tịch							Dưới 36 tháng	Từ 36 đến 60 tháng	Hơn 1 nhiệm kỳ (60 tháng)
1	Trung ương về tỉnh, thành phố															
2	Tỉnh, thành phố về quận, huyện	2	5							2	5		7	2	5	
3	Quận, huyện về tỉnh, thành phố															
4	Huyện này sang huyện khác															
5	Quận, huyện về xã, phường, thị trấn	16	8	10	4			12	8	28	30		58	11	17	30
6	Xã, phường, thị trấn về quận, huyện	1	1	1	1					3	1		4	3	1	
7	Xã này sang xã khác	1	3	1	2				4	7	4		11	5	1	5
Tổng số		20	17	12	7	0	0	12	12	40	40	0	80	21	24	35

QUY HOẠCH BAN CHẤP HÀNH, BAN THƯỜNG VỤ VÀ CÁC CHỨC DANH CHỦ CHỐT CỦA TỈNH
(theo Báo cáo số 498-BC/TU, ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu 2A

TIÊU CHÍ	Quy hoạch Ban Chấp hành			Quy hoạch Ban Thường vụ			Quy hoạch Bí thư			Quy hoạch Phó Bí thư			Quy hoạch Chủ tịch Hội đồng nhân dân			Quy hoạch Chủ tịch Ủy ban nhân dân			Quy hoạch Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội		
	2015-2020	2020-2025	2025-2030	2015-2020	2020-2025	2025-2030	2015-2020	2020-2025	2025-2030	2015-2020	2020-2025	2025-2030	2016-2021	2021-2026	2026-2031	2016-2021	2021-2026	2026-2031	2016-2021	2021-2026	2026-2031
Tổng số	90	53	58	24	20	18	3	3	2	5	3	5	3	3	2	3	3	2	2	3	1
* Trong đó:- Nữ	27	5	14	5	2	2			1		1	1			1	1		2		1	
- Dân tộc thiểu số	7	1	4	4	2																
* Phân tích tổng số theo:	90	53	58	24	20	18	3	3	2	5	3	5	3	3	2	3	3	2	2	3	1
1. Tuổi đời	90	53	58	24	20	18	3	3	2	5	3	5	3	3	2	3	4	2	2	3	1
- Dưới 40	18	2	2	2	2	2										1					
- Từ 40 đến 50 tuổi	48	30	28	9	11	9		1	2	2	1	1			2	2	1	1		1	
- Trên 50 tuổi	24	21	28	13	7	7	3	2		3	2	4	3	3			1	1	2	2	1
2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	90	53	58	24	20	18	3	3	2	5	3	5	3	3	2	3	2	2		3	1
- Đại học	64	11	13	19		3	1	1		5		1			1	3			2		
- Thạc sĩ	24	42	45	4	20	15	2	2	2		3	4	3	3	1		2	2		3	1
- Tiến sĩ	2			1																	
- Trình độ khác																					
4. Trình độ lý luận chính trị	87	53	58	24	20	18	3	3	2	5	3	5	3	3	2	4	2	2	2	3	1
- Trung cấp	4																				
- Cao cấp, cử nhân	83	53	58	24	20	18	3	3	2	5	3	5	3	3	2	4	2	2	2	3	1

**QUY HOẠCH CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ CỦA CƠ QUAN,
SỞ, BAN, NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG, NHIỆM KỲ 2015-2020 ĐẾN NAY**
(theo Báo cáo số 498-BC/TU, ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu 2B

TIÊU CHÍ	QUY HOẠCH CẤP TRƯỞNG			QUY HOẠCH CẤP PHÓ		
	2015-2020	2020-2025	2025-2030	2015-2020	2020-2025	2025-2030
Tổng số	96	68	54	208	199	186
* Trong đó:- Nữ	27	19	26	59	32	35
- Dân tộc thiểu số	9	6	3	15	14	13
* Phân tích tổng số theo:						
1. Tuổi đời	96	69	54	208	199	186
- Dưới 40	8	7	5	51	13	11
- Từ 40 đến 50 tuổi	65	35	26	89	98	86
- Trên 50 tuổi	23	27	23	68	88	89
2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	96	69	54			
- Đại học	58	23	39	208	199	186
- Thạc sĩ	35	45	15	43	56	41
- Tiến sĩ	3	1	0	4	6	5
- Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
4. Trình độ lý luận chính trị	96	69	54	208	199	186
- Trung cấp	7	0	0	34	22	11
- Cao cấp, cử nhân	89	69	54	174	177	175

TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

</

QUY HOẠCH BAN CHẤP HÀNH, BAN THƯỜNG VỤ VÀ CÁC CHỨC DANH CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ CẤP HUYỆN TỪ NĂM 2018 ĐẾN NAY

(theo Báo cáo số 498-BC/TU, ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu 2D

TIÊU CHÍ	Quy hoạch Ban Chấp hành			Quy hoạch Ban Thường vụ			Quy hoạch Bí thư			Quy hoạch Phó Bí thư			Quy hoạch Chủ tịch Hội đồng nhân dân			Quy hoạch Chủ tịch Ủy ban nhân dân			Quy hoạch Phó Chủ tịch HĐND			Quy hoạch Phó Chủ tịch UBND		
	2015-2020	2020-2025	2025-2030	2015-2020	2020-2025	2025-2030	2015-2020	2020-2025	2025-2030	2015-2020	2020-2025	2025-2030	2016-2021	2021-2026	2026-2031	2016-2021	2021-2026	2026-2031	2016-2021	2021-2026	2026-2031	2016-2021	2021-2026	2026-2031
Tổng số	1,054	1,003	946	328	320	208	44	40	43	84	71	69	34	35	17	37	32	28	37	47	27	84	58	48
* Trong đó:- Nữ	227	266	272	44	62	64	2	4	6	11	11	8	3	6	4	0	1	3	9	12	5	12	8	7
- Dân tộc thiểu số	93	93	46	22	25	79	2	4	5	9	7	6	3	3	3	1	1	3	4	7	5	3	5	6
* Phân tích tổng số theo:	1,054	1,003	946	328	320	65	44	40	43	84	71	69	34	35	17	37	32	28	37	47	27	84	58	48
1. Tuổi đời	1,054	1,003	946	328	320	208	44	40	43	84	71	69	34	35	17	37	32	28	37	47	27	84	58	48
- Dưới 40	75	47	53	3	1	9			3	0	2	5	0	0	1			2			2	1	0	3
- Từ 40 đến 50 tuổi	353	328	536	85	82	101	6	5	19	12	20	35	2	7	9	4	5	17	5	8	15	19	9	23
- Trên 50 tuổi	626	628	357	240	237	98	38	35	23	72	49	29	32	28	7	33	27	9	32	39	10	67	49	22
2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	1,054	1,003	946	328	320	208	44	40	43	84	71	69	34	35	17	37	32	28	37	47	27	84	58	48
- Đại học	912	746	823	285	204	165	36	15	29	72	32	43	31	19	8	30	14	17	34	35	16	69	30	36
- Thạc sĩ	60	231	123	30	109	43	6	21	14	8	32	26	3	16	9	7	18	11	2	12	11	12	27	12
- Tiến sĩ	15	23		5	7		1	4		4	3											0	1	
- Trình độ khác	67	3		8	0		1	0			4					1						3	0	
4. Trình độ lý luận chính trị	817	930	946	328	320	208	44	40	43	84	71	69	34	35	17	37	32	28	37	47	27	84	55	48
- Trung cấp	329	351	123	44	23	9	4	0	3	7	1	11				1			4	5		7	3	7
- Cao cấp, cử nhân	488	579	723	262	291	199	40	40	40	73	69	58	34	35	17	36	32	28	33	42	27	77	52	41

**BIỂU THỐNG KÊ ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG CÁN BỘ,
CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TỪ NĂM 2028 ĐẾN 30/6/2023***(theo Báo cáo số 498-BC/TU, ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)****Biểu 3***

TT	Tổng số	Chuyên môn		Lý luận chính trị			Tin học	Quốc phòng - an ninh	Ngoại ngữ
		Đại học	Sau Đại học	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp, cử nhân			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Tổng số	3,433	83	221		254	53	32	2,768	22

DANH SÁCH CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ KHÔNG LÀ NGƯỜI ĐỊA PHƯƠNG
(theo Báo cáo số 498-BC/TU, ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu 4

STT	Cán bộ lãnh đạo, quản lý	Tổng số	Không phải là người địa phương	Ghi chú
I	Cấp tỉnh			
1	Bí thư Tỉnh ủy	1	x	
1	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	1	x	
2	Chánh Thanh tra	1	x	
3	Giám đốc Sở Tài chính	1	x	
4	Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân	1	x	
5	Giám đốc Công an tỉnh	1	x	
6	Cục trưởng Cục Thuế tỉnh	1	x	
II	Cấp huyện			
1	Chủ tịch UBND	12	x	
2	Chánh Thanh tra	12	x	
3	Trưởng phòng Tài chính	12	x	
4	Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân	12	x	
5	Chánh án Tòa án nhân dân	12	x	
6	Trưởng Công an	12	x	
7	Chi cục trưởng Chi cục Thuế	5	Đã sát nhập chi cục trưởng chi cục thuế 04 Khu vực	

*

BIỂU THỐNG KÊ CÁN BỘ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC BỊ XỬ LÝ KỶ LUẬT,
BỐ TRÍ CÔNG TÁC KHÁC CÁC CƠ QUAN CẤP TỈNH TỪ NĂM 2018 ĐẾN NAY
(theo Báo cáo số 498-BC/TU, ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu 5A

Số TT	Tổng số	Ban thường vụ Tỉnh ủy	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	Lãnh đạo cấp ủy		Lãnh đạo HĐND		Lãnh đạo UBND		Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội		Các Sở, Ban, ngành (tương đương)		Các phòng, ban (tương đương)		Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	
				Bí thư cấp huyện	Phó bí thư	Chủ tịch	Phó chủ tịch	Chủ tịch	Phó chủ tịch	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Tổng số	33	2	2						1			3	5	7	6	7	1

**BIỂU THỐNG KÊ CÁN BỘ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC BỊ XỬ LÝ KỶ LUẬT,
BỐ TRÍ CÔNG TÁC KHÁC CÁC CƠ QUAN CẤP HUYỆN TỪ NĂM 2018 ĐẾN NAY**
(theo Báo cáo số 498-BC/TU, ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu 5B

Số TT	Tổng số	Ban thường vụ	Ban Chấp hành	Lãnh đạo cấp ủy		Lãnh đạo HĐND		Lãnh đạo UBND		Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị- xã hội		Các phòng, ban <i>(tương đương)</i>		Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	
				Bí thư	Phó bí thư	Chủ tịch	Phó chủ tịch	Chủ tịch	Phó chủ tịch	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Tổng số	22	3		3					1			2	6	2	5

**BIỂU THỐNG KÊ CÁN BỘ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC BỊ XỬ LÝ KỶ LUẬT,
BỐ TRÍ CÔNG TÁC KHÁC Ở CẤP XÃ TỪ NĂM 2018 ĐẾN NAY**
(theo Báo cáo số 498-BC/TU, ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu 5C

Số TT	Tổng số	Ban thường vụ	Ban Chấp hành Đảng bộ	Lãnh đạo cấp ủy		Lãnh đạo HĐND		Lãnh đạo UBND		Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị- xã hội	
				Bí thư	Phó bí thư	Chủ tịch	Phó chủ tịch	Chủ tịch	Phó chủ tịch	Cấp trưởng	Cấp phó
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Tổng số	80	28	18	2	11	1	4	8	6	2	

BIỂU THỐNG KÊ TUYỂN DỤNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC CỦA TỈNH TỪ NĂM 2018 ĐẾN NAY
(theo Báo cáo số 498-BC/TU, ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu 6

Tổng số	Cấp tỉnh		Cấp huyện		Công chức cấp xã
	Công chức	Viên chức	Công chức	Viên chức	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
2.086	110	959	169	803	45

**BIỂU THỐNG KÊ BỔ NHIỆM, BỔ NHIỆM LẠI, KIẾN TOÀN CẤP ỦY ĐỐI VỚI CÁN BỘ
DIỆN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢN LÝ TỪ NĂM 2018 ĐẾN NAY**

(theo Báo cáo số 498-BC/TU, ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu 7A

Số TT	Tổng số	Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh	Ban thường vụ Tỉnh ủy	Phó Chủ tịch HĐND tỉnh	Chủ tịch UBND tỉnh	Phó chủ tịch UBND tỉnh	Số lượt cán bộ, công chức được điều động, bổ nhiệm	Số lượt cán bộ, công chức được bổ nhiệm	Số lượt Cán bộ, công chức được bổ nhiệm lại	Hiệp y bổ nhiệm, bổ nhiệm lại	Bổ sung Ban Chấp hành Đảng bộ cấp huyện	Bổ sung Ban Thường vụ Huyện ủy	Chỉ định Bí thư, Phó Bí thư Đảng đoàn	Bổ sung Ủy ban nhân dân tỉnh	Chỉ định ủy viên Đảng đoàn
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Tổng số	522	5	2	2		2	70	37	127	68	98	46	22	11	34

BIỂU THỐNG KÊ BỔ NHIỆM, GIỚI THIỆU CÁN BỘ ỨNG CỬ... CẤP HUYỆN TỪ NĂM 2018 ĐẾN NAY*(theo Báo cáo số 498-BC/TU, ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)***Biểu 7 B**

Số TT	Tên cơ quan, địa phương, đơn vị	Tổng số	Ban chấp hành	Ban thường vụ	Lãnh đạo cấp ủy		Lãnh đạo HĐND		Lãnh đạo UBND		Các ban, cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể CT-XH		Các phòng, ban (tương đương)		Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	
					Bí thư	Phó bí thư	Chủ tịch	Phó chủ tịch	Chủ tịch	Phó chủ tịch	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Thành ủy Đà Lạt	170	8	5	3	2	2	0	2	1	6	8	15	33	34	51
2	Thành ủy Bảo Lộc	191	47	17	2	4	2	2	3	3	8	21	12	16	29	25
3	Huyện Cát Tiên	232	40	11	1	2	1	1	1	2	11	9	16	19	51	67
4	Huyện Đạ Huoai	106	1	1	1	2	1	3	2	3	15	17	23	24	5	8
5	Huyện Đạ Tẻh	106	38	11	1	2	2	1	1	3	2	3	5	11	7	19
6	Huyện Đam Rông	34	3	2			1		1	1	3	5	3	6	4	5
7	Huyện Di Linh	99	42	13	1	2	1	1	1	1	10	6	11	2	2	6
8	Huyện Đơn Dương	138	44	16	1	1	1	3	1	3	6	8	18	24	6	6
9	Huyện Lâm Hà	188	42	13	1	2	2	1	2	3	11	28	13	26	10	34
10	Huyện Lạc Dương	129	44	12	2	2	2	1	2	2	5	8	6	10	14	19
11	Huyện Đức Trọng	160	47	16	1	3	2	3		2	5	8	16	26	10	21
12	Huyện Bảo Lâm	167	41	13	1	2	1	1	1	3	12	16	10	9	32	25
13	Đảng ủy Khối các cơ quan	42	22	8	2	2					4	4				
14	Đảng ủy Khối Doanh nghiệp	40	23	7	1	2					1	0	3	3		
Tổng		1802	442	145	18	28	18	17	17	27	99	141	151	209	204	286

BIỂU THỐNG KÊ BỔ NHIỆM, GIỚI THIỆU CÁN BỘ ỨNG CỬ.... CẤP XÃ TỪ NĂM 2018 ĐẾN NAY

(theo Báo cáo số 498-BC/TU, ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu 7C

Số TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số	Ban chấp hành	Ban thường vụ	Lãnh đạo cấp ủy		Lãnh đạo HĐND		Lãnh đạo UBND		Mặt trận TQ- Các tổ chức Chính trị xã hội	
					<i>Bí thư</i>	<i>Phó bí thư</i>	<i>Chủ tịch</i>	<i>Phó chủ tịch</i>	<i>Chủ tịch</i>	<i>Phó chủ tịch</i>	<i>Cấp trưởng</i>	<i>Cấp phó</i>
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>13</i>
1	Thành ủy Đà Lạt	299	96	48	7	9	7	14	14	27	32	45
2	Thành ủy Bảo Lộc	437	152	45	15	29	14	15	17	31	58	61
3	Huyện Cát Tiên	290	113	30	15	20	11	12	14	19	46	44
4	Huyện Đạ Huoai	112	5	8	10	13	12	13	11	12	13	15
5	Huyện Đạ Tẻh	24	3	3	1	2	2	1	2	3	7	0
6	Huyện Đam Rông	25	7	4	2	5			2	5		
7	Huyện Di Linh	637	228	64	24	37	20	28	21	29	85	101
8	Huyện Đơn Dương	461	142	79	10	10	10	8	8	9	43	142
9	Huyện Lâm Hà	491	206	55	16	32	16	16	18	34	50	48
10	Huyện Lạc Dương	197	94	24	6	12	7	8	9	10	13	14
11	Huyện Đức Trọng	573	215	63	23	41	13	16	18	35	75	74
12	Huyện Bảo Lâm	465	185	50	14	28	14	14	14	28	60	58
	TỔNG	4,011	1446	473	128	238	126	145	148	223	482	602